

Tiêu Đề 5. Quy Tắc về Gia Đình và Trẻ Vị Thành Niên

Quy tắc 5.1. Tiêu Đề

Có thể gọi các quy tắc trong tiêu đề này là Quy Tắc về Gia Đình và Trẻ Vị Thành Niên của Địa Phương.

Quy tắc 5.1 được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Phần 1. Quy Tắc về Gia Đình

Chương 1. Quy Định Chung

Quy tắc 5.5. Tiêu đề phần

Có thể gọi các quy tắc trong tiêu đề này là Quy Tắc về Gia Đình của Địa Phương.

Quy tắc 5.5 được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Quy tắc 5.10. Văn Phòng của Cố Vấn Viên Luật Gia Đình

Ngoài các dịch vụ và nhiệm vụ phải thực hiện để tuân thủ các yêu cầu của luật tiểu bang, cố vấn viên luật gia đình cũng sẽ thực hiện các dịch vụ được nêu trong Bộ Luật Gia Đình mục 10005, phù hợp với các hạn chế và ưu tiên về kinh phí đối với dịch vụ được cung cấp định kỳ do tòa án quy định.

Quy tắc 5.10 được sửa đổi và đánh số lại có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; được thông qua ban đầu là quy tắc 11.11 có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 1998; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2004.

Quy tắc 5.11. Trình diện từ xa

(a) Điều trần từ xa.

Trừ khi có lệnh khác của tòa án, các bên và luật sư có thể trình diện từ xa tại cuộc họp xét tình trạng, cuộc họp giải quyết vụ việc tập trung vào gia đình, cuộc họp xét tình trạng ban đầu, cuộc họp bố trí xét xử và buổi hòa giải. Hướng dẫn về việc trình diện tòa từ xa được đăng trên trang luật gia đình trong trang web của tòa án: <https://www.alameda.courts.ca.gov/divisions/family-law>.

(b) Điều trần trực tiếp.

Tất cả các phiên điều trần không được liệt kê trong tiểu mục (a) sẽ được tiến hành trực tiếp, trừ khi tòa án có lệnh khác. Bất kỳ ai muốn trình diện từ xa tại phiên điều trần đều phải thực hiện những việc sau trước phiên điều trần:

- (1) Nộp và tổng đạt Thông Báo Trình Diện Từ Xa (biểu mẫu RA-010) và đính kèm một tuyên bố ngắn gọn, trong đó giải thích lý do yêu cầu trình diện từ xa;
- (2) Nộp và tổng đạt Lệnh Về Trình Diện Từ Xa được đề xuất (biểu mẫu RA-020); và
- (3) Đưa ra thông báo như sau:
 - (A) Nếu nhận được thông báo về thủ tục tố tụng ít nhất 15 ngày làm việc của tòa trước ngày điều trần, người yêu cầu trình diện từ xa phải nộp và tổng đạt yêu cầu, lệnh được đề xuất ít nhất 10 ngày làm việc của tòa trước ngày diễn ra thủ tục tố tụng đó.
 - (B) Nếu nhận được thông báo về thủ tục tố tụng dưới 15 ngày làm việc của tòa trước ngày điều trần, người yêu cầu trình diện từ xa phải nộp và tổng đạt yêu cầu, lệnh được đề xuất trong thời gian sớm nhất có thể.

(c) Phản đối.

Mọi phản đối đối với yêu cầu trình diện từ xa theo tiểu mục (b) phải được nộp và tổng đạt vào ngày làm việc tiếp theo của tòa sau khi tổng đạt thông báo trình diện từ xa hoặc lệnh cho phép trình diện từ xa, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước. Người phản đối việc trình diện từ xa phải nộp và tổng đạt Đơn Phản Đối Thủ Tục Tố Tụng Từ Xa tại Phiên Điều Trần hoặc Phiên Xét Xử Dựa Trên Bằng Chứng (biểu mẫu RA-015) và Lệnh Về Trình Diện Từ Xa được đề xuất (biểu mẫu RA-020).

(d) Thỏa thuận.

Nếu hoàn toàn nhất trí về tất cả các vấn đề cần giải quyết tại phiên điều trần theo tiểu mục (b), các bên có thể nộp yêu cầu chung về trình diện từ xa và lệnh được đề xuất bất kỳ lúc nào trước phiên điều trần.

Quy tắc 5.11 được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2023.

Quy tắc 5.12. Nộp hồ sơ và tổng đạt điện tử trong thủ tục tố tụng về gia đình

(a) Nộp hồ sơ điện tử bắt buộc

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2023, các bên được đại diện và những người được đại diện khác phải tham gia nộp hồ sơ điện tử (e-filing) thông qua nhà cung cấp dịch vụ nộp hồ sơ đơn điện tử (electronic filing service provider, EFSP) được tòa án chấp thuận, đồng thời phải tổng đạt và nhận tổng đạt bằng phương thức điện tử, trừ khi theo lệnh của tòa án hoặc nếu

luật pháp yêu cầu hình thức tổng đạt khác. Theo quy tắc 2.253(b)(4) trong Quy Tắc Tòa Án California, bất kỳ ai được yêu cầu nộp hồ sơ điện tử đều có thể yêu cầu miễn trừ bằng cách nộp Yêu Cầu Miễn Nộp Hồ Sơ và Tổng Đạt Điện Tử Bất Buộc (biểu mẫu EFS-007) cho bộ phận được chỉ định hoặc nếu không có bộ phận nào được chỉ định thì nộp cho thẩm phán giám sát của ban luật gia đình.

(b) Nộp hồ sơ điện tử tùy chọn

Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 2 năm 2023, bất kỳ bên nào hoặc người khác đều có thể đồng ý tham gia nộp hồ sơ điện tử thông qua nhà cung cấp dịch vụ nộp hồ sơ đơn điện tử được tòa án chấp thuận, bằng cách nộp thông báo đồng ý cho tòa án và tổng đạt cho tất cả các bên. Trừ khi luật pháp hoặc lệnh của tòa án yêu cầu hình thức tổng đạt khác, mọi người đồng ý tham gia nộp hồ sơ điện tử đều phải tổng đạt và nhận tổng đạt bằng phương thức điện tử.

(c) Ngày có hiệu lực

Tòa án có thể ấn định lại những ngày có hiệu lực nêu trên, như được đăng trên trang web của tòa án.

(d) Các yêu cầu bổ sung

Tài liệu phải được nộp bằng phương thức điện tử ở định dạng PDF có thể tìm kiếm trừ khi chỉ có bản in, đồng thời phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật được liệt kê trên trang web của tòa án, trong đó có danh sách nhà cung cấp dịch vụ nộp hồ sơ đơn điện tử được tòa án chấp thuận.

(e) Ngoại lệ

Không được nộp các tài liệu sau đây bằng phương thức điện tử:

- (1) Lệnh bắt giữ của thẩm phán đang xét xử;
- (2) Hồ sơ hầu tòa;
- (3) Cam kết;
- (4) Cam đoan;
- (5) Phán quyết được chứng thực;
- (6) Bản trích yếu hoặc ủy nhiệm bên ngoài tiểu bang hoặc bên ngoài quận;
- (7) Phán quyết thuộc tiểu bang chị em;
- (8) Trát hầu tòa cho các vụ kiện bên ngoài tiểu bang;

- (9) Hồ sơ dữ liệu của người nhận tiền;
- (10) Bất kỳ hồ sơ nào yêu cầu các bên phải gửi kèm theo một phong bì dán sẵn tem và ghi sẵn địa chỉ; và
- (11) Bất kỳ tài liệu nào khác theo yêu cầu của pháp luật phải có chữ ký gốc hoặc phải nộp bản gốc.

(f) Tài liệu bảo mật

Các tài liệu được nộp bằng phương thức điện tử trong các vụ kiện theo Đạo Luật Thống Nhất về Tư Cách Làm Cha Mẹ đều được bảo mật và không cần phải có lệnh của tòa án để niêm phong.

(g) Bản sao đồng gửi

Trừ khi tòa án có lệnh khác, các bản đồng gửi của tất cả các tài liệu được nộp bằng phương thức điện tử phải được gửi đến lục sự của bộ phận được chỉ định vào cùng ngày tài liệu đó được nộp bằng phương thức điện tử hoặc vào ngày làm việc tiếp theo của tòa nếu buổi điều trần có liên quan được lên lịch từ hai ngày làm việc của tòa trở lên sau ngày nộp hồ sơ điện tử. Nếu thời hạn nộp bản đồng gửi trùng vào ngày tòa án không làm việc thì phải nộp bản đó vào ngày làm việc tiếp theo của tòa.

Quy tắc 5.12 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2022.

Quy tắc 5.15. Tờ khai thông báo về đơn yêu cầu ban hành lệnh khẩn cấp

Các bên có thể sử dụng Tờ Khai Về Thông Báo Đơn Yêu Cầu Ban Hành Lệnh Khẩn Cấp (Biểu Mẫu Địa Phương ALA FL-010) để đưa ra lời khai được yêu cầu về thông báo đơn yêu cầu ban hành lệnh khẩn cấp.

Quy tắc 5.15 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2013; được thông qua là quy tắc 11.0.1 có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 1998; được sửa đổi trước đây có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 1999, ngày 1 tháng 1 năm 2004, ngày 1 tháng 7 năm 2004, ngày 1 tháng 1 năm 2006 và ngày 1 tháng 1 năm 2007; được sửa đổi và đánh số lại trước đây có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; được sửa đổi trước đây vào ngày 1 tháng 1 năm 2009.

Quy tắc 5.17. Tổng đạt thông báo về cuộc họp xét tình trạng ban đầu

Tòa án có thể ban hành thông báo về cuộc họp xét tình trạng ban đầu trong vụ kiện hủy hôn, ly thân hợp pháp, hủy bỏ quan hệ hôn nhân hoặc vụ kiện về tư cách làm cha mẹ. Nếu phản hồi cho đơn kiến nghị chưa được tổng đạt khi thông báo về cuộc

họp xét tình trạng ban đầu được ban hành, người đệ đơn phải tổng đạt một bản sao thông báo cho bị đơn.

Quy tắc 5.17 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Quy tắc 5.20. Thăm con với sự có mặt của người giám sát không chuyên

Nếu trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào có một bên yêu cầu ban hành lệnh rằng chuyển thăm con phải được giám sát bởi một người giám sát không chuyên, thì bên đó phải cung cấp một bản sao Nguyên Tắc Hướng Dẫn Giám Sát Chuyển Thăm Con (Biểu Mẫu Địa Phương ALA FL-015-INFO) cho (những) người giám sát được đề xuất và sau đó nộp Thỏa Thuận Giám Sát Chuyển Thăm Con (Biểu Mẫu Địa Phương ALA FL-015) có chữ ký của (những) người giám sát không chuyên trước khi bất kỳ chuyển thăm nào diễn ra.

Quy tắc 5.20 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Quy tắc 5.25. Yêu cầu ấn định ngày diễn ra buổi hòa giải và ngày xét xử

(a) Yêu cầu phiên xét xử hoặc buổi hòa giải

Bất kỳ một trong hai bên đều có thể yêu cầu tòa án ấn định ngày xét xử hoặc ngày diễn ra buổi hòa giải bằng cách (1) đưa ra yêu cầu tại một cuộc họp xét tình trạng hoặc cuộc họp giải quyết vụ việc hoặc (2) tổng đạt và nộp Yêu Cầu Cuộc Họp Giải Quyết Vụ Việc (biểu mẫu ALA FL-050).

(b) Quy định về buổi hòa giải tự nguyện

Các bên có thể yêu cầu tổ chức một buổi hòa giải cho toàn bộ vụ việc hoặc giải quyết riêng các vấn đề đã sẵn sàng hòa giải. Nếu chấp nhận yêu cầu đó, tòa án sẽ thông báo cho các bên về ngày, giờ và địa điểm diễn ra buổi hòa giải tự nguyện. Các bên phải sử dụng Quy Định và Lệnh về Buổi Hòa Giải Tự Nguyện (biểu mẫu ALA FL-045).

Quy tắc 5.25 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016; được thông qua ban đầu là các quy tắc 11.0.4 và 11.0.5 có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 1998; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2004; từng được sửa đổi và đánh số lại thành Quy Tắc 5.25 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Quy tắc 5.30. Kiến nghị và điều trần

(a) Nghĩa vụ gặp gỡ và trao đổi

- (1) Trước phiên điều trần tại tòa về yêu cầu ban hành lệnh, lệnh trình bày lý do hoặc kiến nghị

Trừ khi tòa án ban hành lệnh về một khoảng thời gian khác, chậm nhất là năm ngày trước phiên điều trần về yêu cầu ban hành lệnh, lệnh trình bày lý do hoặc kiến nghị, các bên phải gặp gỡ và trao đổi, trực tiếp hoặc qua điện thoại, để thảo luận về tất cả các vấn đề đang chờ xử lý và nếu chưa được tổng đạt và nộp đơn trước đó, phải trao đổi tất cả các tài liệu và thông tin liên quan đến những vấn đề đó.

- (2) Trước buổi hòa giải hoặc phiên xét xử

Trừ khi tòa án ban hành lệnh về một khoảng thời gian khác, chậm nhất là năm ngày trước buổi hòa giải hoặc phiên xét xử, các bên phải gặp gỡ và trao đổi, trực tiếp hoặc qua điện thoại, để thảo luận về tất cả các vấn đề đang chờ xử lý và nếu chưa được tổng đạt và nộp đơn trước đó, phải trao đổi tất cả các tài liệu và thông tin liên quan đến những vấn đề đó.

(b) Đính kèm lệnh hoặc phán quyết nếu có yêu cầu sửa đổi

Trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào nhằm sửa đổi hoặc thi hành một lệnh hoặc phán quyết hiện tại, phải đính kèm một bản sao của lệnh hoặc phán quyết đó với giấy tờ kiến nghị. Nếu không được đính kèm với giấy tờ kiến nghị, lệnh hoặc phán quyết theo yêu cầu của quy tắc này phải được đính kèm với giấy tờ phản hồi.

(c) Cần khai báo những vấn đề chưa được giải quyết

Nếu phiên điều trần về yêu cầu ban hành lệnh, lệnh trình bày lý do hoặc kiến nghị được hoãn lại trong hơn 60 ngày, mỗi bên phải tổng đạt và nộp tờ khai về những vấn đề vẫn chưa được giải quyết. Các bên phải sử dụng Bản Tóm Tắt Các Vấn Đề Còn Tranh Chấp Và Đã Được Giải Quyết (Biểu Mẫu Địa Phương ALA FL-030) cho mục đích này.

(d) Không trình diện khi nộp đơn yêu cầu ban hành lệnh khẩn cấp

Không được phép và không cần phải trình diện trực tiếp khi nộp đơn yêu cầu ban hành lệnh khẩn cấp, trừ khi có lệnh khác của tòa án.

Quy tắc 5.30 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2013; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; từng được sửa đổi vào ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Quy tắc 5.35. Yêu cầu hoãn hoặc hủy bỏ phiên điều trần ngắn, cuộc họp xét tình trạng luật gia đình hoặc cuộc họp giải quyết vụ việc tập trung vào gia đình

Có thể đưa ra yêu cầu hoãn hoặc hủy bỏ phiên điều trần về yêu cầu ban hành lệnh được ấn định theo lịch giải quyết nhanh của tòa án hoặc cuộc họp xét tình trạng luật gia đình hoặc cuộc họp giải quyết vụ việc tập trung vào gia đình bằng cách nộp văn bản quy định giữa các bên đưa ra yêu cầu đó. Phải nộp quy định đã ký năm ngày làm việc của tòa trước ngày đã lên lịch cho phiên điều trần hoặc cuộc họp đó. Các bên phải sử dụng mẫu Đơn Yêu Cầu và Lệnh Hoãn Phiên Điều Trần, Cuộc Họp Xét Tình Trạng hoặc Cuộc Họp Giải Quyết Vụ Việc (Biểu Mẫu Địa Phương ALA FL-035) để gửi yêu cầu này.

Quy tắc 5.35 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2014; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Quy tắc 5.37. Đơn Yêu Cầu và Lệnh Trình Diện Qua Điện Thoại [Đã Bãi Bỏ]

Quy tắc 5.37 bị bãi bỏ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2023; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2013.

Quy tắc 5.40. Yêu cầu hoãn buổi hòa giải, phiên điều trần kéo dài và phiên xét xử

Chỉ có thể hoãn các buổi hòa giải, phiên điều trần kéo dài và phiên xét xử sau khi có sự chấp thuận của tòa án được chỉ định tiến hành buổi hòa giải, phiên điều trần kéo dài hoặc phiên xét xử đó. Các bên phải sử dụng Đơn Yêu Cầu Chung và Lệnh Hoãn Buổi Hòa Giải, Phiên Điều Trần Kéo Dài hoặc Phiên Xét Xử (Biểu Mẫu Địa Phương ALA FL-055) để đưa ra yêu cầu này nếu đó là đơn yêu cầu hoãn chung.

Quy tắc 5.40 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2014; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Quy tắc 5.45. Tiến hành cuộc họp xét tình trạng, giải quyết vụ việc và buổi hòa giải

Trừ khi có lệnh khác của tòa án, các quy định sau đây áp dụng cho tất cả các cuộc họp xét tình trạng, giải quyết vụ việc và buổi hòa giải trong các vụ việc về luật gia đình.

(a) Cuộc họp xét tình trạng và giải quyết vụ việc

- (1) Cuộc họp xét tình trạng. Mười lăm ngày trước bất kỳ cuộc họp xét tình trạng nào, mỗi bên phải nộp và tổng đạt bản trình bày về tình trạng hiện tại của vụ việc. Các bên phải sử dụng biểu mẫu Bảng Câu Hỏi Cho Cuộc Họp Xét Tình Trạng (biểu mẫu ALA FL-040) cho mục đích này, trừ khi tòa án ban hành lệnh yêu cầu các bên nộp Bản Câu Hỏi Cho Cuộc Họp Quản Lý Vụ Việc (biểu mẫu ALA FL-041).

- (2) Cuộc họp giải quyết vụ việc. Mười lăm ngày trước bất kỳ cuộc họp giải quyết vụ việc nào, mỗi bên phải nộp và tổng đạt bản trình bày về tình trạng hiện tại của vụ việc. Các bên phải sử dụng Bảng Câu Hỏi Cho Cuộc Họp Quản Lý Vụ Việc (biểu mẫu ALA FL-041).

(b) Buổi hòa giải (tự nguyện và bắt buộc)

Ít nhất mười lăm ngày trước bất kỳ buổi hòa giải nào, tất cả các luật sư và tất cả các bên phải tiến hành cuộc gặp mặt trực tiếp để trao đổi một cách thiện chí nhằm nỗ lực giải quyết mọi vấn đề trong vụ việc. Luật sư hoặc các bên tự đại diện phải lên lịch cuộc gặp mặt này tại thời điểm ấn định buổi hòa giải để đảm bảo cuộc gặp mặt diễn ra kịp thời. Nếu có lệnh cấm khiến các bên không thể gặp mặt trực tiếp, các bên có thể tham dự cuộc gặp mặt qua điện thoại hoặc tại những địa điểm riêng biệt. Ít nhất mười ngày trước bất kỳ buổi hòa giải nào, mỗi bên phải cung cấp cho bên kia một văn bản đề nghị với nội dung đủ cụ thể để có thể thi hành được mà nếu được chấp nhận, văn bản đề nghị đó sẽ giải quyết tất cả các vấn đề còn tranh chấp. Một bản sao của đề nghị này phải được mang đến buổi hòa giải. Ít nhất năm ngày trước bất kỳ buổi hòa giải nào, mỗi bên phải tổng đạt và nộp một tuyên bố cho buổi hòa giải, trong đó phải có thông tin được nêu dưới đây:

- (1) Tóm tắt tất cả các vấn đề tranh chấp và không tranh chấp, bao gồm cả mô tả ngắn gọn về các điều khoản của bất kỳ quy định, thỏa thuận hoặc nội dung hòa giải nào.
- (2) Một tuyên bố trình bày tất cả những nỗ lực của các bên trước buổi hòa giải để giải quyết các vấn đề còn tranh chấp, bao gồm cả tóm tắt về buổi gặp mặt để hòa giải trực tiếp hoặc một tuyên bố chi tiết cho biết lý do tại sao cuộc gặp mặt trực tiếp không diễn ra.
- (3) Dữ kiện thống kê:
 - (a) Ngày kết hôn hoặc đăng ký quan hệ bạn đời sống chung; ngày ly thân; thời gian kết hôn hoặc quan hệ bạn đời tính bằng năm và tháng.
 - (b) Tên và tuổi của các con là trẻ vị thành niên.
 - (c) Tuổi của các bên.
 - (d) Các vấn đề tranh chấp về dữ kiện thống kê.
 - (e) Tất cả các dữ kiện quan trọng là cơ sở của một bên liên quan đến bất kỳ vấn đề tranh chấp nào về dữ kiện thống kê.

- (4) Quyền nuôi con và thăm con:
- (a) Điều khoản của các lệnh và thỏa thuận về quyền nuôi con và thăm con hiện có.
 - (b) Đề xuất lệnh về quyền nuôi con và thăm con chi tiết cùng tất cả thông tin thực tế quan trọng hỗ trợ cho đề xuất đó.
- (5) Cấp dưỡng nuôi con:
- (a) Điều khoản của các lệnh và thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con hiện có.
 - (b) Đề xuất lệnh cấp dưỡng nuôi con.
 - (c) Tất cả thông tin thực tế quan trọng hỗ trợ cho bất kỳ trường hợp đặc biệt nào liên quan đến thu nhập, chi phí, khả năng kiếm tiền hoặc các thông tin thực tế khác liên quan đến cấp dưỡng nuôi con.
 - (d) DissoMaster hoặc bản in được chấp thuận khác trình bày tất cả các kết luận được đề xuất liên quan đến cấp dưỡng nuôi con.
- (6) Cấp dưỡng cho vợ/chồng:
- (a) Điều khoản của các lệnh về cấp dưỡng cho vợ/chồng hiện có.
 - (b) Đề xuất lệnh cấp dưỡng cho vợ/chồng.
 - (c) Phân tích đầy đủ từng mục về tất cả thông tin thực tế quan trọng liên quan đến các yếu tố được nêu trong Bộ Luật Gia Đình mục 4320.
 - (d) DissoMaster hoặc bản in được chấp thuận khác cho thấy các khoản thuế của lệnh cấp dưỡng cho vợ/chồng được đề xuất của bên đó.
- (7) Tài sản tranh chấp:
- (a) Ngày mua tài sản.
 - (b) Cách thức quyền sở hữu tài sản hiện được trao và nếu hai bên khác nhau thì cách thức trao vào thời điểm mua.
 - (c) Đặc tính của tài sản là tài sản chung, tài sản riêng, tài sản giống như tài sản chung hay kết hợp các loại đó.

- (d) Tất cả thông tin thực tế quan trọng hỗ trợ cho việc mô tả đặc tính của tài sản của bên đó.
 - (e) Giá trị thị trường hợp lý hiện tại, bản chất, mức độ và điều khoản của mọi ràng buộc đối với tài sản đó và vốn chủ sở hữu ràng buộc hiện tại trong tài sản đó.
 - (f) Tuyên bố hoàn chỉnh trình bày cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý cho việc phân chia hoặc bồi hoàn, công thức phân chia hoặc bồi hoàn, giá trị tính quyền lợi chung và riêng của mỗi bên trong tài sản đó.
- (8) Nợ hoặc nghĩa vụ:
- (a) Danh sách tất cả các khoản nợ hoặc nghĩa vụ của các bên được coi là trách nhiệm chung hoặc trách nhiệm riêng của các bên cùng với phần trình bày tất cả thông tin thực tế và tài liệu làm căn cứ pháp lý hỗ trợ cho yêu cầu mỗi khoản nợ hoặc nghĩa vụ đó là chung hay riêng.
 - (b) Đối với mỗi khoản nợ hoặc nghĩa vụ đó, tên của chủ nợ, dư nợ phải trả vào ngày ly thân, dư nợ phải trả hiện tại và tính chất, phạm vi và điều khoản của bất kỳ tài sản bảo đảm nào cho khoản nợ đó.
 - (c) Nếu có yêu cầu bồi hoàn, tên của chủ nợ, tổng số tiền đã trả cho khoản nợ, ngày và nguồn của mỗi khoản thanh toán được yêu cầu bồi hoàn.
 - (d) Bản tóm tắt các lệnh hiện có liên quan đến việc thanh toán các khoản nợ hoặc nghĩa vụ và việc bồi hoàn các khoản nợ hoặc nghĩa vụ đó.
- (9) Phí luật sư, phí chuyên gia và chi phí:
- (a) Bản tóm tắt các lệnh hiện có.
 - (b) Danh sách tất cả các khoản tiền mà mỗi bên đã trả cho phí luật sư, phí chuyên gia và chi phí của bên kia và dư nợ phải trả, nếu có.
 - (c) Danh sách tất cả các khoản tiền mà mỗi bên đã trả cho phí luật sư, phí chuyên gia và chi phí của bản thân và dư nợ phải trả, nếu có.
 - (d) Tài liệu, danh mục, bản tóm tắt, bản thẩm định và báo cáo của chuyên gia:

- (e) Bản sao của tất cả các bản thẩm định và báo cáo của các chuyên gia sẽ hoặc có thể được đưa ra tại phiên xét xử.
 - (f) Danh sách kèm phần trình bày và tóm tắt nội dung của tất cả các tài liệu, danh mục và bản tóm tắt sẽ hoặc có thể được đưa ra tại phiên xét xử, đính kèm các bản sao nếu liên quan đến bất kỳ vấn đề tranh chấp quan trọng nào.
 - (g) Tên, địa chỉ kinh doanh và số điện thoại của bất kỳ nhân chứng chuyên gia nào mà một bên dự định triệu tập với tư cách là nhân chứng trong phiên xét xử, cùng với bản tuyên bố ngắn gọn trình bày nội dung lời khai của chuyên gia.
- (10) Những nhân chứng khác:
- Tên, địa chỉ và số điện thoại của bất kỳ nhân chứng nào không phải là chuyên gia, ngoại trừ các bên, mà một bên dự định triệu tập với tư cách là nhân chứng trong phiên xét xử và bản tóm tắt ngắn gọn về lời khai dự kiến của nhân chứng.
- (11) Các điểm và tài liệu làm căn cứ:
- Tất cả các điểm, tài liệu làm căn cứ và lập luận pháp lý mà một bên dự định dùng làm cơ sở phải được nêu trong phần thích hợp của tuyên bố cho buổi hòa giải.
- (12) Khai báo thu nhập và chi phí:
- Bản Khai Báo Thu Nhập và Chi Phí hiện tại theo biểu mẫu thích hợp của Hội Đồng Tư Pháp, cùng với tất cả các tài liệu đính kèm bắt buộc, phải được nộp cùng với bản tuyên bố cho buổi hòa giải nếu các vấn đề tài chính có liên quan đến bất kỳ vấn đề tranh chấp nào. Một bên không được dựa vào Khai Báo Thu Nhập và Chi Phí đã nộp trước đó.
- (13) Danh Mục Tài Sản và Nợ:
- Danh Mục Tài Sản và Nợ hiện tại theo biểu mẫu thích hợp của Hội Đồng Tư Pháp, cùng với tất cả các tài liệu đính kèm bắt buộc, phải được mang đến buổi hòa giải. Một bên không được dựa vào Danh Mục Tài Sản và Nợ đã nộp trước đó.
- (14) Đề xuất hòa giải:
- Mỗi bên phải mang đến buổi hòa giải một văn bản đề nghị giải quyết tất cả các vấn đề còn tranh chấp. Các bên có thể yêu cầu tòa án giữ bí mật những văn bản đề nghị đó.

(c) Hậu quả nếu không tuân thủ

Theo quyết định của thẩm phán xét xử, hậu quả nếu không tuân thủ quy tắc này có thể bao gồm áp dụng bất kỳ biện pháp xử phạt hoặc lệnh nào được pháp luật cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn chế bằng chứng, hoãn xét xử, loại trừ vật chứng, loại trừ lời khai của nhân chứng hoặc áp dụng các biện pháp xử phạt bằng tiền.

Quy tắc 5.45 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2014, ngày 1 tháng 7 năm 2009, ngày 1 tháng 1 năm 2012 và ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Quy tắc 5.50. Tiến hành xét xử

Trừ khi có lệnh khác, các quy tắc dân sự địa phương điều chỉnh việc tiến hành xét xử sẽ áp dụng cho bất kỳ vấn đề nào được đưa ra xét xử hoặc cho phiên điều trần kéo dài hơn một giờ.

Quy tắc 5.50 được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Quy tắc 5.60. Chuẩn bị lệnh sau phiên điều trần [Đã bãi bỏ]

Quy tắc 5.60 bị bãi bỏ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Quy tắc 5.65. Phí luật sư và phí chuyên gia [Đã bãi bỏ]

Quy tắc 5.65 bị bãi bỏ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012; được thông qua ban đầu là quy tắc 11.0.8.C có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 1998; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 1999, ngày 1 tháng 1 năm 2004, ngày 1 tháng 7 năm 2004, ngày 1 tháng 1 năm 2006 và ngày 1 tháng 1 năm 2007; từng được sửa đổi và đánh số lại thành Quy tắc 5.65 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Quy tắc 5.70. Nguyên tắc hướng dẫn về cấp dưỡng cho vợ/chồng hoặc bạn đời

Nguyên tắc hướng dẫn tùy chọn sau đây được áp dụng đối với khoản cấp dưỡng tạm thời cho vợ/chồng hoặc bạn đời trong vụ việc hủy hôn và hủy quan hệ bạn đời chung sống.

(a) Vụ việc không có cấp dưỡng nuôi con

Trong vụ việc không có cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng cho vợ/chồng hoặc bạn đời theo nguyên tắc sẽ là 40% thu nhập ròng của người trả tiền hoặc trừ đi khoản bằng 50% thu nhập ròng của người nhận tiền.

(b) Vụ việc có cấp dưỡng nuôi con

Trong vụ việc sẽ có cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng cho vợ/chồng hoặc bạn đời theo nguyên tắc hướng dẫn sẽ được tính theo các thành phần được nêu trong Bộ Luật Gia Đình từ mục 4055 đến 4069 theo công thức sau:

$$SS = [HN-(HN) (M) (K) (1+H \%)] [.35] - [LN-(LN) (M) (K) (1+H \%)] [.4]$$

(Nếu H% lớn hơn 50% thì tính 2-H% thay vì 1+H%)
(M = hệ số con theo Bộ Luật Gia Đình mục 4055(b)(4).)

(c) Điều chỉnh các khoản thuế

Trong vụ việc bạn đời sống chung, tòa án sẽ điều chỉnh công thức để xử lý thuế theo luật tiểu bang và liên bang nếu cần thiết.

Quy tắc 5.70 được sửa đổi và đánh số lại có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; được thông qua ban đầu là quy tắc 11.2 có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 1998;

Quy tắc 5.71. Thỏa thuận hòa giải hôn nhân

Nếu có thỏa thuận hòa giải hôn nhân được đưa vào phán quyết thông qua dẫn chiếu thì phải đính kèm bản giấy của thỏa thuận đó với phán quyết.

Quy tắc 5.71 được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Quy tắc 5.72. Các phán quyết liên quan đến quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con hoặc cấp dưỡng cho vợ/chồng

Các phán quyết liên quan đến quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con hoặc cấp dưỡng cho vợ/chồng phải quy định đầy đủ tất cả các điều khoản. Các phán quyết liên quan đến cấp dưỡng nuôi con hoặc cấp dưỡng cho vợ/chồng phải bao gồm ngày bắt đầu và ngày chấm dứt.

Bắt buộc sử dụng Thông Tin về Cấp Dưỡng Nuôi Con và Phán Lệnh Đính Kèm (biểu mẫu FL-342).

Phải đính kèm bản tính mức cấp dưỡng nuôi con theo nguyên tắc hướng dẫn với biểu mẫu FL-342, trừ khi biểu mẫu FL-342 nêu các thông tin đầu vào được sử dụng để tính theo nguyên tắc hướng dẫn. Bắt buộc sử dụng Bản Đính Kèm Kết Luận về Cấp Dưỡng Nuôi Con Không Theo Nguyên Tắc Hướng Dẫn (biểu mẫu FL-342(A)) khi phán quyết sẽ bao gồm khoản cấp dưỡng nuôi con khác với cách tính theo nguyên tắc hướng dẫn theo Bộ Luật Gia Đình mục 4050 trở đi.

Tòa Án khuyến khích sử dụng các biểu mẫu Luật Gia Đình hiện hành khác của Hội Đồng Tư Pháp trong các phán quyết được đề xuất.

Quy tắc 5.72 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016; được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Quy tắc 5.73. Nộp lệnh chỉ định thu nhập

Phải nộp bản sao phán quyết hoặc lệnh cấp dưỡng nuôi con, cấp dưỡng cho bạn đời, vợ/chồng hoặc gia đình cùng bất kỳ lệnh chỉ định thu nhập nào được đề xuất.

Quy tắc 5.73 được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Quy tắc 5.75. Tư vấn khuyến nghị quyền nuôi con

(a) Khiếu nại về tư vấn viên khuyến nghị quyền nuôi con

- (1) Người có khiếu nại về hành vi chuyên môn của tư vấn viên khuyến nghị quyền nuôi con có thể đưa ra khiếu nại bằng lời nói hoặc bằng văn bản với Người Giám Sát Chương Trình của Cơ Quan Tòa Án Gia Đình không quá 20 ngày sau khi phát hiện ra hành vi dẫn đến khiếu nại đó. Người giám sát chương trình sẽ xem xét vấn đề, trao đổi với tư vấn viên khuyến nghị quyền nuôi con và giải quyết khiếu nại trực tiếp với người khiếu nại.
- (2) Nếu không hài lòng với phản hồi từ Người Giám Sát Chương Trình của Cơ Quan Tòa Án Gia Đình, người khiếu nại có thể đưa ra văn bản phản đối đối với hành động của người giám sát chương trình lên Chánh Văn Phòng Gia Đình và Trẻ Em trong vòng 30 ngày sau khi nhận được phản hồi của người giám sát chương trình. Chánh Văn Phòng sẽ xác nhận bằng văn bản với người khiếu nại về việc nhận được đơn phản đối. Chánh Văn Phòng có thể chuyển giao khiếu nại đó cho một ủy ban nội bộ để xem xét và đề xuất hoặc trả lời đơn phản đối mà không cần chuyển giao khiếu nại đó. Phản hồi của Chánh Văn Phòng về đơn phản đối sẽ được cung cấp bằng văn bản cho người khiếu nại.
- (3) Nếu không hài lòng với phản hồi của Chánh Văn Phòng, người khiếu nại có thể đưa ra văn bản phản đối lên Viên Chức Điều Hành Tòa Án trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được phản hồi của chánh văn phòng. Hành động của Viên Chức Điều Hành Tòa Án về đơn phản đối đó sẽ được cung cấp bằng văn bản cho người khiếu nại và sẽ là quyết định chung cuộc.

(b) Liên lạc một bên với tư vấn viên khuyến nghị quyền nuôi con

Không được có hình thức liên lạc một bên giữa bất kỳ tư vấn viên khuyến nghị quyền nuôi con nào do tòa chỉ định và bất kỳ luật sư hoặc bên nào liên quan đến vụ việc, trừ trường hợp được quy định trong Bộ Luật Gia Đình mục 216.

Tất cả luật sư và các bên trong vụ việc đều không được cung cấp cho tư vấn viên khuyến nghị quyền nuôi con các tài liệu về vụ việc nếu không cung cấp trước một bản sao các tài liệu đó cho bên kia và luật sư của trẻ vị thành niên, nếu có.

Quy tắc 5.75 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012; được thông qua ban đầu là các quy tắc 11.3.4 và 11.4.7 có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 1998; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2004, ngày 1 tháng 7 năm 2006 và ngày 1 tháng 1 năm 2007; từng được sửa đổi và đánh số lại thành Quy Tắc 5.75 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Quy tắc 5.80. Đánh giá quyền nuôi con

(a) Phản đối người đánh giá

Không được phép phản đối suy đoán đối với người đánh giá quyền nuôi con do tòa chỉ định.

(b) Người đánh giá rút khỏi vụ việc

Người đánh giá có thể nộp đơn yêu cầu lên tòa án để xin lệnh cho phép người đánh giá rút khỏi vụ việc bằng kiến nghị được thông báo và có thể nộp đơn yêu cầu một bên để xin lệnh rút ngắn thời gian tổng đạt và điều trần của kiến nghị đó.

(c) Khiếu nại về hiệu quả hoạt động của người đánh giá

- (1) Vì mục đích của quy trình này, "vụ kiện" có nghĩa là thủ tục tố tụng về luật gia đình, trong đó người đánh giá được tòa chỉ định.
- (2) Bên tham gia vụ kiện, bao gồm người giám hộ được chỉ định và bất kỳ luật sư nào được chỉ định đại diện cho trẻ vị thành niên, có thể nộp đơn khiếu nại về hiệu quả hoạt động của người đánh giá.
- (3) Bên muốn khiếu nại về hiệu quả hoạt động của người đánh giá phải khiếu nại bằng văn bản và tổng đạt bản gốc đơn khiếu nại cho người đánh giá chậm nhất là 20 ngày sau sự kiện dẫn đến khiếu nại hoặc trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của người đánh giá, tùy theo sự việc nào muộn hơn.
- (4) Chậm nhất là mười ngày làm việc của tòa kể từ khi nhận được khiếu nại, người đánh giá phải tổng đạt phản hồi khiếu nại bằng văn bản cho người khiếu nại. Không cần thừa nhận tính chính xác của nội dung khiếu nại, người đánh giá có thể yêu cầu tòa án miễn nhiệm cho mình và chỉ định một người đánh giá khác nếu thích hợp.

- (5) Nếu phản hồi do người đánh giá tổng đạt không giải quyết được khiếu nại, thì người khiếu nại phải tổng đạt một bản sao khiếu nại và phản hồi của người đánh giá, nếu có, cho chánh án về các vấn đề luật gia đình. Quyết định của chánh án đó liên quan đến khiếu nại, có thể bao gồm việc loại bỏ người đánh giá ra khỏi hội đồng đánh giá quyền nuôi con của tòa án, sẽ là quyết định chung thẩm.

(d) Tính bảo mật của báo cáo

Trong mọi thủ tục tố tụng liên quan đến quyền nuôi hoặc thăm trẻ vị thành niên, mọi báo cáo hoặc đề nghị bằng văn bản đều phải được đánh dấu và bảo mật, không để bất kỳ người nào xem được ngoại trừ tòa án, luật sư của trẻ vị thành niên, các bên, luật sư của họ và bất kỳ người nào được tòa án chấp thuận cho truy cập rõ ràng bằng văn bản phán lệnh có thông báo trước cho tất cả các bên. Tất cả những người có quyền truy cập loại báo cáo bảo mật này đều không được sao chép hoặc tiết lộ nội dung của báo cáo cho bất kỳ người con hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác mà không có lệnh tiết lộ.

(e) Liên lạc một bên với người đánh giá

Không được có hình thức liên lạc một bên giữa người đánh giá quyền nuôi con do tòa chỉ định và bất kỳ luật sư hoặc bên nào liên quan đến vụ việc, trừ trường hợp được quy định trong Bộ Luật Gia Đình mục 216. Tất cả luật sư và các bên trong vụ việc đều không được cung cấp cho người đánh giá các tài liệu về vụ việc nếu không cung cấp trước một bản sao các tài liệu đó cho bên kia và luật sư của trẻ vị thành niên, nếu có. Không có điều gì trong quy tắc này cấm người đánh giá liên hệ với bất kỳ người nào mà người đánh giá xác định là cần thiết phải tham khảo ý kiến để hoàn thành báo cáo.

Quy tắc 5.80 được sửa đổi và đánh số lại có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; được thông qua ban đầu là quy tắc 11.4 và 11.6 có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 1998; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2004, ngày 1 tháng 7 năm 2006 và ngày 1 tháng 1 năm 2007.

Quy tắc 5.82. Khiếu nại về luật sư do tòa chỉ định cho trẻ em

Trong thủ tục tố tụng về luật gia đình mà tòa chỉ định luật sư cho một hoặc nhiều trẻ vị thành niên, bất kỳ bên nào hoặc luật sư hoặc trẻ vị thành niên đều có thể khiếu nại về hiệu quả hoạt động của luật sư được chỉ định. Khiếu nại phải bằng văn bản và được tổng đạt cho tất cả các luật sư và các bên tự đại diện, đồng thời, đơn khiếu nại gốc phải được gửi đến lục sự phòng xử án của chánh án về luật gia đình cùng với một bản sao gửi cho lục sự phòng xử án của viên chức tòa án được phân công phụ trách vụ việc. Chánh án về luật gia đình có thể chuyển giao đơn khiếu nại đến viên chức tòa án được chỉ định hoặc trực tiếp xử lý vấn đề và có thể thực hiện bất kỳ hoặc tất cả những việc sau:

- (1) Phản hồi khiếu nại;
- (2) Yêu cầu phản hồi bằng văn bản hoặc nhận xét bằng văn bản;
- (3) Điều tra khiếu nại; hoặc,
- (4) Ấn định phiên điều trần về khiếu nại.

Một văn bản phản hồi sẽ được cung cấp cho người khiếu nại và tất cả các luật sư và các bên tự đại diện, kèm theo một bản sao được gửi đến viên chức tòa án được phân công phụ trách vụ việc. Tất cả tài liệu được xem xét liên quan đến việc phản hồi khiếu nại sẽ được tòa lưu giữ theo chính sách lưu giữ hồ sơ của tòa án.

Quy tắc 5.82 được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Quy tắc 5.85. Hòa giải riêng theo quy định

Quy định về việc chỉ định một người hòa giải khuyến nghị riêng có thể được thực hiện bằng cách nộp Quy Định và Lệnh Chỉ Định Người Hòa Giải Riêng Khuyến Nghị Quyền Nuôi Con (Biểu Mẫu Địa Phương ALA FL-002).

Quy tắc 5.85 được thông qua có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Quy tắc 5.95. Ủy viên theo Tiêu Đề IV-D

Tất cả các vụ việc theo Tiêu Đề IV-D sẽ được điều trần tại Đại Sảnh Tư Pháp George E. McDonald hoặc Đại Sảnh Tư Pháp Hayward. Các vụ việc mở đầu từ Tòa Án Gale/Schenone sẽ được giao cho một ủy viên trong Đại Sảnh Tư Pháp Hayward cho tất cả các mục đích, với điều kiện Sở Dịch Vụ Hỗ Trợ Trẻ Em tham gia vào hành động thực thi.

Quy tắc 5.95 được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2012; được thông qua ban đầu là quy tắc 11.10 có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 1998; từng được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2004; từng được sửa đổi và đánh số lại thành Quy Tắc 5.95 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008.

Quy tắc 5.100. Xử Phạt

Nếu bất kỳ bên hoặc luật sư nào không tuân thủ các quy định của chương này hoặc không trình diện kịp thời tại bất kỳ phiên điều trần, cuộc họp hoặc phiên xét xử nào, thì bên hoặc luật sư đó sẽ phải chịu các biện pháp xử phạt, bao gồm nhưng không giới hạn xác định tóm tắt mọi vấn đề tranh chấp theo giấy tờ của bên kia, chi phí luật sư và chi phí hoặc thực hiện hành động phù hợp theo lịch trình.

Quy tắc 5.100 được sửa đổi và đánh số lại có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008; được thông qua ban đầu là quy tắc 11.7 có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 1998.